TÒA ÁN ND TP.THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 140/2019/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 136/2019/TLST/HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị C, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Số nhà I, tổ E, phường V, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế M, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Số nhà I, tổ E, phường V, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn chị Ngô Thị C và anh Nguyễn Thế M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị C và anh Nguyễn Thế M nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có hai con chung, con lớn tên là Nguyễn Thế T, sinh ngày 04/6/2012, con nhỏ tên là Nguyễn Anh TH, sinh ngày 18/4/2014. Các đương sự thỏa thuận anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng ccon chung là Nguyễn Thế T, chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Anh TH cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh M, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị C tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007354 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn trả chị C 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP.Thái Nguyên;
- T.H.A DS TP.Thái Nguyên;
- UBND phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Quý My